

NGÔN NGỮ CHẤN THƯƠNG TRONG THƠ NỮ VIỆT NAM TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY

Võ Minh Nghĩa¹, Phạm Khánh Duy²

TÓM TẮT

Lý thuyết chấn thương là một trong những lý thuyết được các nhà nghiên cứu văn học quan tâm và ứng dụng khi đặt vấn đề nghiên cứu dòng văn học “vết thương”. Những đặc điểm của ngôn ngữ thơ ca dưới góc nhìn của lý thuyết chấn thương đã khiến cho việc phân tích và cảm nhận những tác phẩm trữ tình càng trở nên đặc sắc và giàu tính thấu cảm. Ngôn ngữ trong thơ nữ Việt Nam suốt 20 năm đầu thế kỷ XXI chất chứa nội tâm và thiên tính nữ. Trong đó, lớp ngôn từ thể hiện chấn thương thân thể và chấn thương tinh thần được thể hiện rõ qua từng cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc và giọng điệu thơ.

Từ khóa: Ngôn ngữ chấn thương, thơ nữ Việt Nam đương đại, thân thể, tinh thần.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.77.06.2025.716>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền văn học Việt Nam, thơ ca không chỉ là tiếng nói trữ tình, mà còn là nơi lưu giữ và phản ánh những trải nghiệm cá nhân và xã hội sâu sắc. Qua thơ ca, con người đối diện với ký ức, nỗi đau và niềm hy vọng, khiến thơ ca trở thành không gian giao thoa giữa quá khứ và hiện tại. Từ năm 2000 đến nay, thơ nữ Việt Nam đã trở thành một hiện tượng nổi bật, khi nhiều tác giả nữ có những tìm tòi, khám phá bản thể, thể nghiệm thiên tính nữ... trong đó có việc sử dụng ngôn ngữ thơ như một phương thức biểu đạt những ám ảnh, tổn thương và bi kịch đời sống. Những chấn thương tâm lý, xã hội, văn hóa được phản ánh qua thơ nữ không chỉ là kết quả của những trải nghiệm cá nhân, mà còn là tiếng vọng của các vấn đề thời đại như bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình, ly hôn, sự tha hương và khủng hoảng bản sắc.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều của các cây bút nữ đã minh chứng một điều rằng, giới nữ ngày càng quan tâm, trăn trở nhiều hơn đến các vấn đề xã hội và thời đại, có nhu cầu đào sâu vào nội cảm, khám phá những tầng hầm sâu trong tâm hồn của chính mình, của giới mình thông qua thơ ca. Đó cũng là phương tiện để các tác giả nữ “tự thú” những vết thương trên cơ thể hoặc trong tinh thần của mình hoặc phản ánh những vết thương của kẻ khác. Chấn thương trở thành vấn đề nổi cộm trong thơ nữ đương đại Việt Nam.

Bài viết nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ nữ đương đại từ năm 2000 đến nay dưới góc nhìn phê bình chấn thương. Từ đây, người viết nhận ra sự đa dạng hoá ngôn ngữ chấn thương là nét nổi bật đáng chú ý của thơ nữ Việt Nam giai đoạn năm 2000 đến nay.

¹ Trường Đại học Văn Hiến; Email: vominhnghiadhsp@gmail.com

² Trường Đại học Cần Thơ

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thống kê, phân loại: trong bài báo này, tác giả tiến hành thống kê các tác phẩm thơ của các tác giả nữ từ năm 2000 đến nay có dấu ấn chấn thương (thân thể, tinh thần).

Phương pháp phân tích, tổng hợp: tác giả đánh giá những khía cạnh khác nhau của chấn thương thân thể và chấn thương tinh thần, nội dung và hình thức nghệ thuật trong thơ nữ từ năm 2000 đến nay có dấu ấn của chấn thương.

Phương pháp so sánh: Nghiên cứu đối sánh thơ của các tác giả nữ với nhau trong cùng giai đoạn, từ đó có thể thấy được nét riêng của mỗi nhà thơ khi thể hiện vấn đề chấn thương.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái lược về lý thuyết chấn thương

Vào những năm 90 của thế kỷ XX, trường phái lý thuyết chấn thương ra đời tại Hoa Kỳ, gọi nhắc về một giai đoạn lịch sử đầy biến động của nhân loại. Những cuộc chiến tranh xảy ra làm rung động thế giới (tiêu biểu là cuộc khủng bố, hủy diệt người Do Thái của phát xít Đức; hai thành phố lớn ở Nhật Bản bị ném bom trong Chiến tranh Thế giới thứ hai...); những biến động về chính trị; sự suy thoái kinh tế Hoa Kỳ, kéo theo đó là cuộc “đại khủng hoảng” toàn cầu; ranh giới giữa giàu và nghèo ngày thêm sâu sắc... Trước tình thế đó, con người không bắt nhịp kịp với vòng xoáy của lịch sử, đã trở nên chao đảo, lạc lõng, mất phương hướng.

Trong công trình *Unclaimed Experience: Trauma, Narrative, History* (Kinh nghiệm không được khẳng định: Chấn thương và những khả năng của lịch sử), Cathy Caruth nêu khái quát tinh thần của chấn thương như sau: “*chấn thương mô tả một kinh nghiệm choán ngập về những sự kiện đột ngột hay thảm họa mà phản ứng đối với sự kiện đó thường xuất hiện dưới dạng ảo giác và các hiện tượng mang tính chất xâm nhập thường bị trì hoãn và tái diễn một cách không kiểm soát*” [11; tr.10]. Thật vậy, chẳng ai mong muốn mang trên mình những vết sẹo, bởi hành trình chữa lành có thể kéo dài nhiều năm tháng. Có những vết thương dù thời gian trôi qua vẫn không thể xóa nhòa, để lại di chứng và ám ảnh trong tâm trí con người suốt đời. Chấn thương tâm lý không có hình hài nhất định, nó được biểu hiện thông qua những ký ức đau thương nằm sâu trong vô thức của mỗi người. Cathy Caruth là đại diện xuất sắc của lý thuyết chấn thương, ngoài thuật ngữ chấn thương (*trauma*), bà còn đề cập đến kinh nghiệm chấn thương (*experience trauma*) như “*một thứ kinh nghiệm đến muộn, nó hoàn toàn không phải là sự kể lại việc thoát ly một hiện thực - chạy trốn cái chết, hay áp lực của tính quy chiếu của chấn thương, mà đúng hơn, nó là sự chứng nhận cho cái tác động vô hạn của chấn thương lên một cuộc đời*” [2]. Sự khủng khiếp của chấn thương không chỉ nằm ở chỗ vết thương sâu bao nhiêu, đau đớn đến mức độ nào, mà là “*cái tác động vô hạn của chấn thương*” mà lịch sử đã đóng dấu lên mỗi phần đời, lên tập thể.

Thực chất, ban đầu nội hàm của chấn thương chỉ xoay quanh vết thương thân thể. Thế nhưng, trong cuốn *Beyond the Pleasure Principle* (Ngoài nguyên tắc niềm vui), Sigmund Freud (1920) đưa ra khái niệm vết thương tinh thần, khó có thể chữa lành, hàn gắn. Cá nhân có thể đồng thời mang cả hai vết thương trên, gọi là “vết thương kép”, nhất là những người bị ném vào guồng quay của chiến tranh, vừa tổn thương thân thể, đổ máu, mất mát, vừa mang những ám ảnh kinh hoàng về cuộc chiến ngay cả khi chiến tranh đã lùi vào quá khứ. Xét về

lịch sử hình thành, Lê Tú Anh khẳng định “*từ khi chưa có lý thuyết chấn thương, lịch sử văn học đã biết tới những nỗi đau lên tiếng.*” [1], có nghĩa rằng những vết thương (phần lớn do chiến tranh gây ra) có mặt trong văn chương từ rất sớm, song ý niệm về văn học chấn thương chưa được hình thành. Chỉ khi lý thuyết chấn thương ra đời, thuật ngữ văn học chấn thương mới ra đời và phát triển đến tận ngày hôm nay. Vết thương của con người trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử, đặc biệt là chiến tranh, đã hiện hữu sống động, đau đớn, xót xa trong các tác phẩm văn chương. Nghiên cứu về chấn thương trong văn học là truy tìm cội nguồn và bản chất của vết thương nhằm “*kháng cự lại mọi cách hiểu đơn giản về nó*” [2]. Chấn thương trong thơ đương đại không chỉ là sự tái hiện nỗi đau cá nhân mà còn là một phương thức diễn ngôn phản ánh những đổ vỡ, tổn thương mang tính lịch sử, xã hội và văn hoá. Việc vận dụng lý thuyết chấn thương để nghiên cứu thơ đương đại giúp soi chiếu cách tác giả diễn đạt nỗi đau và chuyển hoá nó thành diễn ngôn nghệ thuật.

3.2. Đa dạng hoá ngôn ngữ chấn thương trong thơ nữ Việt Nam từ năm 2000 đến nay

3.2.1. Ngôn ngữ chấn thương thân thể

Trong tiến trình phát triển đầy biến động của lịch sử nhân loại, đã bao phen người phụ nữ rơi vào tình thế chấn thương nghiêm trọng về mặt thân thể. Lớp nghĩa sơ khai nhất của chấn thương là những tác động lên cơ thể con người, làm xuất hiện các vết thương với độ nông - sâu, rộng - hẹp khác nhau, có thể chữa lành hoặc vĩnh viễn để lại những vết sẹo, những nỗi đau không bao giờ xóa nhòa hay nguôi ngoai được. Lý thuyết chấn thương, trước hết, đi sâu nghiên cứu những vết thương mà cuộc đời, lịch sử, các cuộc bạo động... đã đóng lên những phần đời con người, trong đó có người phụ nữ - đối tượng dễ bị tổn thương, trân trọng, bảo vệ. Từ đó đưa ra những khái quát về thân phận người phụ nữ trong những chặng đường khác nhau của lịch sử.

Chấn thương thân thể, đặc biệt là thân thể phụ nữ, trở thành một trong những vấn đề được các cây bút nữ ở Việt Nam từ năm 2000 đến nay quan tâm. Phát hiện những chấn thương đó, các cây bút nữ đã sử dụng lớp ngôn ngữ với sắc thái đa dạng để tái hiện. Đó là lớp ngôn ngữ vừa nhẹ nhàng, tinh tế, vừa mạnh dạn, bộc trực; vừa thanh lịch, tế nhị, vừa bạo liệt, đầy ám ảnh. Song, dù là phong cách, sắc thái nào đi chăng nữa thì khi tái hiện những vết thương trên thân thể con người, những vần thơ đó cũng trở nên ám ảnh, nhức nhối.

Trong cơn bão táp của lịch sử, chiến tranh - “*kẻ quen mặt không muốn gặp*” - đã gieo rắc những vết thương lên thân thể con người. Dù là phe chính nghĩa hay phe phi nghĩa, phe chiến thắng hay hoàng hay thất bại thâm, thì đau thương, mất mát là điều không thể nào tránh khỏi. Tái hiện vết thương con người do chiến tranh, các cây bút nữ đã sử dụng kiểu ngôn ngữ nửa mô phỏng chân thật, nửa gợi dẫn bằng hệ ký hiệu, biểu tượng để người đọc nhận thấy tính chất khốc liệt, sự tàn nhẫn, phũ phàng mà chiến tranh đã gây ra cho con người. Lữ Mai - nhà thơ nữ luôn tâm đắc về đề tài chiến tranh có nhiều vần thơ mang âm hưởng bi hùng của một thời đã qua đau thương nhưng hào hùng vĩ đại. Ở đó, Lữ Mai đã tái hiện chân thực đến xót xa những vết thương thân thể do bom đạn chiến tranh. Với lối thơ đậm chất tự sự, Lữ Mai làm hiện diện trước mắt độc giả từng khuôn mặt, dáng hình không lành lặn, bởi chiến tranh đã cắt xén, làm biến dạng, méo mó những thân thể vốn dĩ toàn vẹn, đầy đặn. Trong *Chư Tan Kra mây trắng*, chị viết: “*Ka Pa Rói/ người thương binh gần bảy mươi cụt cả hai chân/ ngồi hóng mát trên xe lăn/ chiều Sa Thầy nắng nung đỏ mắt*”. Đó là hình ảnh của những chiến sĩ trung

đoàn mũ sắt sau cuộc giao tranh ác liệt với Mỹ tại điểm cao 995 hơn 50 năm về trước. Không cần sử dụng ngôn ngữ mang sắc thái nhẹ nhàng, không bao bọc hình ảnh trong âm điệu giảm/tránh để vơi bớt đi nỗi đau của chiến tranh, Lữ Mai đã tái hiện rất thật bản chất của chiến tranh bởi vào thời điểm tác phẩm ra đời (2021), văn học không còn nhằm mục đích cổ vũ chiến đấu như trong thời kỳ chiến tranh cách mạng. Hồi cố về mặt trận Vị Xuyên những năm tháng kháng chiến chống quân xâm lược ở biên giới phía Bắc, Chử Thu Hằng - cây bút đương đại luôn thao thiết với đề tài chiến tranh cách mạng - đã viết: *“Bạn nằm đâu?/ Ngút ngàn mộ chí phôi nắng sương/ Ai người có tên, ai người chưa biết/ Nắm hoa nhựa vô tri/ Những chân hương bạc phéch/ Nỗi đau lặng lẽ rêu phong”* (Vị Xuyên). Ngôn từ trang trọng, nhẹ nhàng, tinh tế để kim nén nỗi đau khi nhà thơ đứng trước 1.700 ngôi mộ liệt sĩ ở Vị Xuyên, nhưng không chính cái nhẹ nhàng, thanh thản ấy lại làm cho độc giả đau đớn vô cùng khi tưởng nhớ về sự hy sinh bi tráng của những người “có tên” và những người “chưa biết”.

Một dạng chấn thương thân thể khá phổ biến trong văn học đương đại nói chung, thơ nữ đương đại (từ năm 2000 đến nay) nói riêng, là chấn thương do va chạm xác thịt. Hành vi tính giao, nếu bắt nguồn từ niềm hạnh phúc bất tận, sự thăng hoa, cảm xúc yêu đương và dâng hiến, thì khi chấn thương cũng không làm cho con người cảm thấy đau đớn, nếu không muốn nói đó là ước vọng, khát khao “rất người”, rất bản năng. Trong thơ nữ Việt Nam từ năm 2000 đến nay, khi xác định lối viết sẽ theo mình suốt hành trình dài, nhiều nhà thơ đã chọn lối viết đầy kêu gọi, đậm yếu tố tính dục, phồn thực. Phan Huyền Thư, Vi Thuý Linh, Ly Hoàng Ly... là những nhà thơ như thế. Bởi họ là những người phụ nữ hiện đại, luôn trân trọng và tôn vinh những gì đẹp đẽ nhất mà tạo hoá đã ban tặng cho phái nữ. Họ vượt qua những quan niệm cổ hủ, lạc hậu để nhìn nhận vấn đề giao hoan thể xác một cách cởi mở, thậm chí là những cuộc giao hoan mãnh liệt, cuồng nhiệt. Trong đó, có cả những cuộc giao hoan xác thịt không xuất phát từ niềm khát khao, mong muốn của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Những sáng tác về chấn thương thân thể do bạo hành tình dục không chỉ phản ánh nỗi đau cá nhân mà còn là diễn ngôn văn hóa về bạo lực, quyền lực và sự im lặng của nạn nhân trong xã hội. Chẳng hạn thơ của Dạ Thảo Phương, có đoạn: *“Khi bạn bị lạm dụng trên giường bệnh, tôi nói/ hãy viết một bài thơ/ Khi bạn bị cưỡng hiếp, tôi nói/ hãy viết một bài thơ/ Khi bạn bị đuổi ra khỏi ngôi nhà của mình, tôi nói/ hãy viết một bài thơ/ Khi con bạn bị bạo hành đến chết, tôi nói/ hãy viết một bài thơ”* (Hãy viết một bài thơ). Hiện lên trong thơ là hình ảnh người đàn bà bị bạo hành tình dục. Hành vi xấu xa, lệch lạc đó đã hằn sâu trong ký ức người đàn bà. *Viết một bài thơ* là cách để người đàn bà chữa lành những thương tổn, “dọn” lại vùng ký ức khủng hoảng, tối tăm. Những dòng thơ đó được viết ra từ những trải nghiệm không may của Dạ Thảo Phương, khi chính chị cũng từng là nạn nhân của bạo hành tình dục. Ấn đáng sau lời khuyên “hãy viết một bài thơ” là niềm cảm thông, sự thấu hiểu và tình yêu thương của một người đàn bà dành cho một người đàn bà khác, cũng là dành cho chính bản thân mình. Sau năm 2000, giọng điệu thơ của các nhà thơ nữ khi viết về chấn thương thân thể do tình dục thường mang tính chất dữ dội, trực diện nhưng cũng đầy chiều sâu nội tâm. Giọng thơ có thể mang sắc thái phẫn nộ, phản kháng, hoặc trầm lặng, ám ảnh, với nhịp điệu đứt gãy thể hiện sự tổn thương và gián đoạn trong tâm lý.

Từ những vần thơ viết về chấn thương thân thể trong chiến tranh và trong tình yêu, có thể nhận ra cái tôi độc đáo, táo bạo và nổi loạn của các cây bút nữ đương đại. Bàn về điều này, Trịnh Phương Dung viết: *“Cá tính mạnh mẽ của các nhà thơ nữ trẻ đương đại đã đem đến nét độc đáo riêng biệt cho thơ đương đại Việt Nam nói chung và thơ nữ trẻ nói riêng.”*

Đề tài thơ nữ giai đoạn sau đổi mới (1986) rất phong phú, đa dạng về mọi mặt của đời sống, xuất phát từ cách nhìn, cách cảm nhận sự vật, sự việc của mỗi tác giả.” [5; tr.16]. Quả thế, chính cá tính mạnh mẽ đã góp phần làm nên nét đặc sắc, riêng biệt, không thể trộn lẫn của thơ nữ khi viết về vấn đề chấn thương thân thể trong lịch sử và trong cuộc sống hôm nay.

3.2.2. Ngôn ngữ chấn thương tinh thần

“Chấn thương tinh thần là sự ám ảnh về những nỗi khổ, niềm đau của một tác nhân nào đó trong quá khứ từ xa đến gần đã gây cho chính bản thể của người đó” [4; tr.54]. Những loại cảm xúc khổ đau, tiêu cực ăy tích tụ trong tầng sâu “vô thức” và dần dần trở thành những nỗi ám ảnh ở thực tại. Kiểu chấn thương này tuy không hiện hữu thực thể nhưng sức sát thương của nó lên đời sống tâm hồn rất to lớn. Có thể thấy, lý thuyết về chấn thương tinh thần rất gần với lý thuyết Phân tâm học của Freud, khi ông cho rằng “nhiều tâm lo hãi” là một bệnh lý mà khởi phát của nó xuất điểm từ một sự kiện nào đó mang đến sự chấn động trong tâm hồn nội tại của con người. *“Do ám ảnh bởi các vấn đề trong quá khứ đã khiến con người có những thái độ thay đổi từ bình thường đến điên dại. Thêm nữa nó thường đi đôi với những cảm giác thân thể nặng nề, mệt mỏi”* [10; tr.95].

Chấn thương tinh thần trong cuộc sống gia đình: Sự tác động của đời tư đến thơ ca là những biểu hiện của sự ám ảnh về những nỗi khổ mà mình đã trải qua. Thơ Lê Khánh Mai là một dạng của biểu hiện ăy. Tuổi thơ của Lê Khánh Mai trải qua những ngày tháng đất nước còn khó khăn, vất vả nên trong suốt hành trình sáng tác, nỗi ám ảnh này đã khiến bà luôn trăn trở. Tác giả viết nhiều về đề tài quê hương, về những lần đi tìm lại những mảnh trời ký ức của tuổi thơ nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng bà. *“Ám ảnh đêm dài cơn mơ chấn nệm/ căn nhà tập thể chín mét vuông tôi chen nhau với sách vở đèn dầu, chai lọ/ Mẹ tôi gương mặt mùa đông góa bụa/ thức dậy bốn giờ sáng/ ra đi hun hút gió đón chuyến xe đầu ngày/ cà mèn cơm rau muống, đậu phụ bữa trưa công sở/ Tuổi thơ tôi côi cút co ro”* (Hà Nội mùa đông đầu thế kỉ). Bài thơ với những dòng tự thuật kỷ niệm một thời không thể nào quên được. Hình ảnh từ quá khứ khiến bà như được trải nghiệm nó nhiều lần mỗi khi nhớ về. Âm thanh của tự nhiên có thể tan biến ở bên tai, nhưng âm thanh vang lên trong trái tim thì khó mà tan biến được. Những “ký ức khó quên” này dần vật tâm lý bà từng ngày, khiến bà rơi vào trạng thái lo lắng, thậm chí sợ hãi. Những thống khổ của quá khứ khiến bà bị tổn thương tinh thần đến tận ngày nay. Trần Viết Thiện nhận định rằng: *“Thơ Lê Khánh Mai nhọc nhằn phận thơ, phận đời”* [8] hay Nguyễn Văn Thọ nhận xét về tập thơ *Tôi sinh ra từ bùn*, rằng: *“Câu chuyện về cuộc đời bà mang tính tự sự, tâm sự cần chia sẻ, tâm sự ở cảnh tình nào của tác giả mà phát tiết nên thơ”* [9]. Tiếp đến, Bùi Kim Anh cũng mang trong mình tâm thức chấn thương tinh thần rất đốn đau. Ngôn ngữ trong thơ của bà bị ám ảnh bởi hoàn cảnh sống đầy sóng gió, chuyện chồng vương lao lý, chuyện con bị bệnh nặng đã khiến tâm hồn nữ nhà thơ bị tổn thương. Nó đeo đuổi và ám ảnh bà như một cơn ác mộng: *“Bất hạnh xô tôi lạc lõng trong cuộc đời mình/ đêm mở mắt định hình ngày/ đêm đắm sương không biết được/ lang thang trong cõi lặng tôi tìm”* (Năm viện những ngày tháng Ba). Có thể thấy, nỗi đau từ cuộc sống nhiều nghịch lý đã đè nặng lên tâm hồn của người đàn bà. Tập thơ *Lời buồn trên đá* là minh chứng cho những nỗi ám ảnh sâu đậm trong tâm trí nhà thơ. *“Không dễ dàng đọc một mạch hết hai tập thơ của Bùi Kim Anh. Thỉnh thoảng tôi phải dừng lại, vì bị tâm trạng nặng nề từ tác giả lây sang. Trong thơ bà, có những đêm rất dài, những đêm chồn vờn cay đắng, những đêm ngập tràn bơ vơ”* [6].

Chấn thương trong thế giới của tình yêu: Như Xuân Diệu từng nói: “Tình yêu và thơ là hai phạm trù mà trong đó cái tuyệt vời thông minh kết hợp với cái tuyệt diệu ngây thơ, là hương đặc biệt của một số tâm hồn thi sĩ và tình nhân” [3; tr.11]. Tình yêu thường gắn liền với hạnh phúc, nhưng cũng chứa đựng những cung bậc đắng cay, khổ đau, ghen tức, buồn bực, giận hờn, đặc biệt là khi tình yêu vỡ tan. Thơ tình, vì thế, cũng phản ánh rất rõ những chấn thương khổ đau của con người. “*Bao nhiêu thứ đồ dùng cũ kỹ/ Đáng vứt đi đáng thay mới từ lâu/ Nhưng nhiều lần không sao vứt nổi/ Những dấu tay ngang thảng in sâu/.../ Nên làm sạch làm thơm tho số phận/ Lấy lệ ta rửa gót chân son.*” (Đồ cũ, Lê Thị Mỹ). Tình yêu của người đàn bà gắn liền với những món quà kỷ niệm, khi tình dang dở thì những món quà xưa trở thành tín hiệu gợi nhắc ký ức đau thương, đè nặng lên tâm hồn người phụ nữ ở hiện tại. Tập thơ *Người đàn bà qua hai mùa tóc* của Anh Hồng (Cao Thị Anh Hồng) mở ra trước mắt độc giả một tâm hồn đang bị tổn thương sâu sắc: “*Em mãi mãi của anh/ từ nồng nàn hơi thở/ từ giọng nói nụ cười/ từ buồn vui bất tận/.../ nhưng chẳng hiểu vì sao/ khi xa nhau lại thấy/ buốt đau nơi tim mình*” (Em ghét anh). Anh Hồng đã diễn tả sự đớn đau trong trái tim người phụ nữ bằng những trải nghiệm xót xa của chính mình. Khảo sát tập thơ của chị, chúng tôi thấy, những từ ngữ mang dáng dấp chấn thương tinh thần liên tiếp xuất hiện, với số lượng khoảng hơn 75 từ, tạo nên một trường từ vựng đầy những niềm đau. Giọng điệu trong ngôn ngữ thơ như giải thiêng thiên tính nữ khi chứa đựng trong đó sự nhẹ nhàng, mềm mỏng với những câu hỏi tu từ đầy tâm trạng. Thiên tính này đi dọc suốt cuộc đời người phụ nữ và trở thành những nỗi niềm đau xót trong chính cuộc đời của họ. “*Phải chăng, chấn thương tinh thần khi yêu cũng là một dạng thức để tự hoàn thiện và khẳng định trái tim yêu cao cả của người phụ nữ và đó cũng là dấu ấn hậu hiện đại có trong thơ ca?*” [7; tr.115]

4. KẾT LUẬN

Thơ nữ Việt Nam từ năm 2000 đến nay là một dòng chảy liên tục không đứt quãng. Thiên tính nữ đã chi phối những trang thơ tự thuật về thế giới tâm hồn, những cung bậc cảm xúc, cả những chấn thương của các tác giả nữ trong thơ Việt Nam từ năm 2000 đến nay. Trong đó, chấn thương trên thể xác khởi xướng bởi cuộc chiến tranh vệ quốc trước đó mà những người phụ nữ đã dần thân. Chấn thương do bạo hành tình dục cũng khiến người phụ nữ chịu nhiều đau đớn. Bên cạnh đó, bài nghiên cứu còn chỉ rõ những chấn thương tinh thần của người phụ nữ. Nhìn chung, hình ảnh người phụ nữ với những “vết thương kép” xuất hiện khá phổ biến trong thơ ca từ năm 2000 đến nay. Đó cũng là kết quả của hành trình “đi căn”, từ nỗi đau thể xác đến tinh thần của con người do các tác nhân khác nhau. Sự hiện diện của các motif chấn thương trong thơ nữ hiện đại cho thấy sự chuyển dịch của chủ thể sáng tạo - từ một cá nhân chịu tổn thương đến một chủ thể tự nhận thức và phản kháng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Tú Anh (2014), *Từ trường hợp Đoàn Minh Phượng, nghĩ về văn học chấn thương ở Việt Nam và quan điểm nghiên cứu*,
(truy cập <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/4617-t-trng-hp-oan-minh-phng-ngh-v-vn-hc-chn-thng-vit-nam-va-qun-im-nghien-cuu.html>, truy cập ngày 05/12/2024).

- [2] Cathy Caruth (2020), *Vết thương và giọng nói* (Hải Ngọc dịch), (<http://nguvan.hnue.edu.vn>., truy cập ngày 04/12/2024).
- [3] Xuân Diệu, Lưu Khánh Thơ (giới thiệu và tuyển chọn) (1999), *Tác phẩm văn chương và lao động nghệ thuật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [5] Trịnh Phương Dung (2020), *Cái tôi phái tính trong thơ nữ trẻ đương đại*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, số 52, tr.13-20.
- [6] Lê Thiếu Nhơn (2008), *Bùi Kim Anh chòng chành thi phú giữa tai ương*, (<http://giaitri.vnExpress.net>, truy cập ngày 05/12/2024).
- [7] Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng (2011), *Văn học Hậu hiện đại diễn giải và tiếp nhận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [8] Trần Viết Thiện (2017), *Thơ Lê Khánh Mai nhọc nhằn phận thơ, phận đời*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 31, tr.17-20.
- [9] Nguyễn Văn Thọ (2016), *Bình bài thơ Tôi sinh ra từ bùn của Lê Khánh Mai*, Tạp chí Văn nghệ - Hội nhà văn Việt Nam, tập 31, tr.20-22.
- [10] Đỗ Lai Thúy (biên soạn) (2024), *Phân tâm học và Freud bức chân dung ghép mảnh*, Nxb. Trí thức, Hà Nội.
- [11] Cathy Caruth (2013), *Unclaimed Experience: Trauma, Narrative, History*, Baltimore & London, The John Hopkins University Press, Hoa Kỳ.

TRAUMA LANGUAGE IN VIETNAMESE FEMALE POETRY FROM 2000 TO PRESENT

Vo Minh Nghia, Pham Khanh Duy

ABSTRACT

Trauma theory is one of the theories that literary researchers are interested in and applied when asking the question of studying the “wound” literary line. The characteristics of poetic language from the perspective of trauma theory have made the analysis and perception of lyrical works even more unique and empathetic. The language in Vietnamese women's poetry during the first 20 years of the 21st century contains female introspection and divinity. In particular, the language class expressing physical trauma and mental trauma is clearly shown through each way of using words, structure and tone of poetry.

Keywords: *Trauma language, contemporary Vietnamese female poetry, body, spirit.*

* Ngày nộp bài: 06/01/2025; Ngày gửi phản biện: 11/01/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025